

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21-10-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Văn Bình**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Cẩm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 256/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp G, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Minh T**, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã B, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29/6/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Minh T thành hôn vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống lúc đầu rất hạnh phúc, sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, phía anh T cũng đã có gia đình khác và đã có con từ năm 2020 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không thể tiếp tục được nữa,

mục đích hôn nhân không thể đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Bùi Minh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Ngọc L, sinh ngày 08/11/2014 (đã chết) và Bùi Hoàng K, sinh ngày 15/3/2017 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/9/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống không hạnh phúc và xảy ra nhiều mâu thuẫn nên anh đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Ngọc L, sinh ngày 08/11/2014 (đã chết vào ngày 16/4/2021 do tai nạn giao thông) và Bùi Hoàng K, sinh ngày 15/3/2017 hiện đang sống chung với chị N. Nay anh đồng ý để chị N nuôi cháu K và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản ngày 27/9/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị đã nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp, chị yêu cầu được ly hôn với anh T, con chung chị xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử do vợ chồng không khả năng đoàn tụ lại được.

Nguyên đơn, bị đơn đã nhận được toàn bộ tài liệu chứng cứ do các bên giao nộp và không có ý kiến gì về tài liệu chứng cứ. Đồng thời yêu cầu Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Bùi Minh T cư trú tại ấp H, xã B, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin vắng mặt ngày 27/9/2021, bị đơn anh Bùi Minh T có đơn xin vắng mặt ngày 23/9/2021. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Minh T thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59 vào ngày 29/5/2015 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị N và anh T thời gian đầu sống có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc như lời trình bày của chị N và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không thể đạt được và vợ chồng ly thân thời gian dài nhưng không hàn gắn lại được và đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị N và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Xét thấy con chung tên Bùi Hoàng K, sinh ngày 15/3/2017 hiện đang sống trực tiếp với chị N, cuộc sống cũng đảm bảo, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T cũng đồng ý để chị N tiếp tục nuôi con chung và anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Minh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N. Xử cho chị N ly hôn với anh Bùi Minh T.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Bùi Hoàng K, sinh ngày 15/3/2017 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Minh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị N nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị N đã nộp theo biên lai thu số 0017065 ngày 01/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
 - VKSND huyện Trà Ôn;
 - THADS huyện Trà Ôn;
 - UBND xã B, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 29/5/2015);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An